CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 68 **Ngày 15 tháng 11 năm 2011**

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

01-11-2011 Chỉ thị số 33/2011/CT-UBND về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ. 4

02-11-2011 Quyết định số 68/2011/QĐ-UBND điều chỉnh làm rõ một số điều của Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về hạn chế và cấp phép cho xe ôtô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 121/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố. 7

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

27-10-2011 Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3. 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

24-10-2011 Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7. 16

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

27-10-2011 Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về việc khen thưởng khi thôi việc đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố trên địa bàn huyện Bình Chánh. 27

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

27-10-2011 Quyết định số 5164/QĐ-UBND về quy định tạm thời chuẩn phổ cập bậc trung học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015. 32

27-10-2011 Quyết định số 5169/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (thuộc gói thầu "Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 cho khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ 36

Chí Minh).

31-10-2011 Quyết định số 5239/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 4. 44

31-10-2011 Quyết định số 5240/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha) thuộc khu dân cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 90,31ha) phường An Phú, quận 2. 55

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2011/CT-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2011*

CHỈ THỊ

Về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ

Ngày 24 tháng 8 năm 2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 88/NQ-CP về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết này trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đã được ban hành trong Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của thành phố Hồ Chí Minh triển khai Nghị quyết số 16/2008/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về từng bước khắc phục ùn tắc giao thông tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 20/2011/CT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố và Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình Giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020; đồng thời, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

tập trung quán triệt nội dung Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông đến tận các đơn vị cơ sở, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của ngành, đơn vị mình để nâng cao nhận thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; đồng thời gương mẫu đi đầu thực hiện và vận động người thân thực hiện các giải pháp trọng tâm mà Nghị quyết số 88/NQ-CP đã quy định, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật an toàn giao thông; không uống rượu, bia trước khi lái xe, không uống rượu, bia trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa; chấp hành quy tắc giao thông (đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, gắn máy), thực hiện văn hóa giao thông trong quá trình tham gia giao thông (sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ người bị tai nạn giao thông, hoặc sự cố giao thông xảy ra).

2. Căn cứ các giải pháp quy định tại Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan, khẩn trương xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị mình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và mục đích yêu cầu của Chỉ thị này:

- Về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ: yêu cầu các đơn vị chức năng tăng cường phòng chống và kiểm soát người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ sử dụng rượu, bia; duy trì và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đội mũ bảo hiểm; ngăn chặn học sinh, sinh viên chưa đủ tuổi, không có giấy phép lái xe điều khiển xe mô tô, xe gắn máy; đẩy mạnh công tác giáo dục an toàn giao thông, văn hóa giao thông; nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức giao thông, điều kiện an toàn của kết cấu hạ tầng giao thông; tăng cường công tác quản lý hoạt động vận tải bằng ô tô; quản lý về đào tạo sát hạch lái xe; công tác thanh tra, tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm; công tác cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu tai nạn giao thông.

- Về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường sắt: Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Cương quyết không để phát sinh thêm đường ngang trái phép, chủ động lập kế hoạch và lộ trình cụ thể để xóa bỏ các đường ngang trái phép; phối hợp với ngành đường sắt tổ chức bố trí người cảnh giới tại các vị trí đường ngang với đường sắt có nguy cơ cao xảy ra tai nạn giao thông.

- Về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa: Tăng cường công tác quản lý hoạt động chở khách du lịch; hoạt động chở khách ngang sông; vận động người đi đò mặc áo phao; tăng cường công tác điều tiết đảm bảo giao thông và chống

va trôi trên đường thủy nội địa, tăng cường công tác đào tạo cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn và đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

3. Phát động các phong trào thi đua, xây dựng chế độ khen thưởng, động viên kịp thời để khuyến khích các cá nhân, tổ chức, đơn vị điển hình tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn trật tự an toàn giao thông; phê phán mạnh mẽ và xử phạt thật nghiêm đối với những hành vi không chấp hành các quy định pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức, đoàn thể, các doanh nghiệp trú đóng trên địa bàn thành phố yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, nhân viên tích cực hưởng ứng thực hiện Chỉ thị này, đồng thời phối hợp hỗ trợ các sở - ban - ngành của thành phố và chính quyền địa phương triển khai thực hiện theo các nhiệm vụ được giao, lập kế hoạch chi tiết thực hiện của đơn vị mình đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất nhằm góp phần tích cực vào việc kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn.

5. Các cơ quan thông tấn, báo chí của thành phố và của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố tăng cường đăng tải các thông tin tuyên truyền về các nội dung của Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ; tiếp tục thông tin về gương người tốt, việc tốt trong việc chấp hành Luật Giao thông đường bộ; đăng tải việc không nên làm, cấm làm về trật tự an toàn giao thông, ứng xử có văn hóa khi tham gia giao thông nhằm xây dựng môi trường giao thông an toàn và thân thiện. Khi đăng tải thông tin phải có cơ sở, đúng bản chất sự việc và tạo sự đồng thuận, chia sẻ trách nhiệm của cộng đồng xã hội trong việc đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

6. Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố là cơ quan đầu mối, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị này, kịp thời tổng hợp tình hình, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo, đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích và xử lý kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong việc kéo giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/2011/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh làm rõ một số điều của Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về hạn chế và cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 121/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 10052/SGTVT-KT ngày 31 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh làm rõ một số điều của Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về hạn chế và cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 121/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Điều chỉnh làm rõ tên tiêu đề Mục 2 Điều 1 của Quy định "**Điều 3. Khu vực hạn chế xe tải lưu thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh"** và Điểm **"1. Khu vực hạn chế xe tải lưu thông như sau:"** là:

"Điều 3. Hành lang giới hạn khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh

1. Khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh được giới hạn như sau:".

2. Điều chỉnh nội dung "hành lang 3" trong phần Phụ lục đính kèm:

"Hành lang 3 (được phép lưu thông từ 9 giờ 00 đến 16 giờ 00 hàng ngày): Xe ô tô vận tải đi đăng kiểm tại Trạm Đăng kiểm 50.03V, địa chỉ số 107 đường Phú Châu, phường Tam Bình, quận Thủ Đức: Đi theo Quốc lộ 1 - đường Phú Châu - Trạm Đăng kiểm 50.03V và ngược lại.".

3. Hủy bỏ nội dung Mục 8 trong phần Phụ lục.

Điều 2. Các nội dung khác không được đề cập, vẫn giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN 3**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2011/QĐ-UBND	*Quận 3, ngày 27 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 tại Tờ trình số 757/TTr-PNV ngày 17 tháng 10 năm 2011 và Báo cáo thẩm định số 469/BC-TP ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Phòng Tư pháp quận 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 3, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 3 Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3 có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 3)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về trang phục, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành công vụ, trang trí công sở tại các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Ủy ban nhân dân 14 phường Quận 3.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện văn hóa công sở

Việc thực hiện văn hóa công sở phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội.

2. Phù hợp với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại.

3. Phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

Điều 3. Mục đích

Việc thực hiện văn hóa công sở nhằm các mục đích sau đây:

1. Bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Cấm hút thuốc lá trong phòng họp và phòng làm việc.

2. Cấm vào cơ quan sau khi đã uống rượu bia hoặc thức uống có cồn; trong giờ làm việc sử dụng thức uống có cồn.

3. Cấm tổ chức quảng cáo thương mại trong khuôn viên công sở.

Chương II
TRANG PHỤC, GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Mục 1
TRANG PHỤC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 5. Trang phục

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, công chức, viên chức phải mặc trang phục gọn gàng, lịch sự; Mặc đồng phục theo đúng quy định của đơn vị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức có trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của ngành.

Điều 6. Lễ phục

Lễ phục của cán bộ, công chức, viên chức là trang phục chính thức được sử dụng trong những buổi lễ, cuộc họp trọng thể, các cuộc tiếp khách.

1. Lễ phục của nam cán bộ, công chức, viên chức: bộ comple, áo sơ mi, cravat.

2. Lễ phục của nữ cán bộ, công chức, viên chức: áo dài truyền thống, bộ comple nữ.

Điều 7. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức phải có tên cơ quan, ảnh, họ và tên, chức danh, số hiệu của cán bộ, công chức, viên chức, tên đơn vị công tác.

Mục 2
GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 8. Giao tiếp và ứng xử

Cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ phải thực hiện các quy định về những việc phải làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

Trong giao tiếp và ứng xử, cán bộ, công chức, viên chức phải có thái độ lịch sự, nhã nhặn, văn minh, tôn trọng. Ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc; không nói tục, nói tiếng lóng, quát nạt, nói lớn tiếng.

Điều 9. Giao tiếp và ứng xử với nhân dân

Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức phải gần gũi với nhân dân, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc.

Cán bộ, công chức, viên chức không được có thái độ hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà khi thi hành công vụ.

Điều 10. Giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp

Trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức phải lắng nghe, có thái độ trung thực, thân thiện, hợp tác, hòa đồng, chân tình, phải giữ gìn uy tín cho cơ quan, đồng nghiệp.

Điều 11. Giao tiếp qua điện thoại

Khi giao tiếp qua điện thoại, cán bộ, công chức, viên chức phải xưng tên, cơ quan, đơn vị nơi công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc; không ngắt điện thoại đột ngột.

Chương III
TRANG TRÍ CÔNG SỞ

Mục 1
QUỐC HUY, QUỐC KỲ

Điều 12. Treo Quốc huy

Quốc huy được treo trang trọng tại phía trên cổng chính hoặc tòa nhà chính. Kích cỡ Quốc huy phải phù hợp với không gian treo. Không treo Quốc huy quá cũ hoặc bị hư hỏng.

Điều 13. Treo Quốc kỳ

Quốc kỳ được treo nơi trang trọng trước công sở hoặc tòa nhà chính. Quốc kỳ phải đúng tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc đã được Hiến pháp quy định.

Việc treo Quốc kỳ trong các buổi lễ phải tuân theo quy định về nghi lễ nhà nước.

Mục 2
TRANG TRÍ KHUÔN VIÊN CÔNG SỞ

Điều 14. Biển tên cơ quan

Cơ quan phải có biển tên được đặt tại cổng chính, trên đó ghi rõ tên gọi đầy đủ của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Công văn số 471/SNV-XDCQ ngày 06/5/2009 của Sở Nội vụ.

Điều 15. Phòng làm việc

Phòng làm việc phải có biển tên ghi rõ tên đơn vị; Tại bàn làm việc phải có biển ghi họ và tên, chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Việc sắp xếp, trang trí phòng làm việc phải bảo đảm gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, hợp lý, có treo ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Không lập bàn thờ, thắp hương, không đun, nấu trong phòng làm việc, thực hành tiết kiệm điện.

Điều 16. Khu vực để xe, mở rộng thêm một số hoạt động phục vụ dân và doanh nghiệp đến giao dịch

Cơ quan có trách nhiệm bố trí khu vực để xe của cán bộ, công chức, viên chức và người đến giao dịch, làm việc. Không thu phí gửi xe của người đến giao dịch, làm việc.

Tại phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của quận và 14 phường phải cung cấp nước uống đảm bảo sức khỏe cho người dân và cung cấp một số loại báo cần thiết để người dân đọc tại chổ và hệ thống máy vi tính phải đảm bảo kết nối internet liên tục để phục vụ người dân truy cập thông tin, tìm hiểu về các quy định thủ tục hành chính khi cần.

Ngoài ra, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thể trang bị thêm một số các hoạt động khác phục vụ cho người dân tại phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị nhưng không trái với quy định của pháp luật và không lãng phí.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, toàn thể cán bộ, công chức và viên chức thuộc quận có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 3, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 3 có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) để xem xét sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của quận ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2011/QĐ-UBND	*Quận 7, ngày 24 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2008/CT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban

nhân dân thành phố về quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 7 về công bố danh mục đường bộ trên địa bàn quận 7;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị quận 7 tại Tờ trình số 654/TTr-QLĐT ngày 21 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với nội dung quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Phòng Thống kê, Chánh Thanh tra Xây dựng quận, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế, Đội Quản lý thị trường 7B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Triều

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 7)

Điều 1. Mục đích

Quy định các khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất (bao gồm cả gia công, chế biến), kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý Nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; đảm bảo phát triển phù hợp quy hoạch, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Quy định này không áp dụng đối với các điểm kinh doanh không lưu trữ hàng hóa vật liệu xây dựng hoặc không trực tiếp giao hàng tại nơi kinh doanh.

Điều 3. Các quy định chung đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh và việc để phế thải vật liệu xây dựng

1. Đối với sản xuất (kể cả gia công, chế biến) vật liệu xây dựng:

"- Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, pháp luật lao động và các pháp luật liên quan khác.

- Trường hợp sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia để sản xuất vật liệu xây dựng thì công nghệ sản xuất, kho bãi lưu giữ chất thải, phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các quy định về môi trường.

- Có bộ máy nhân lực được đào tạo, đủ năng lực vận hành thiết bị công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm" (quy định tại Điều 30 - Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng).

2. Đối với kinh doanh vật liệu xây dựng:

a) Khi hoạt động kinh doanh tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:

"- Hàng hóa VLXD phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật;

- Chủ thể kinh doanh phải là thương nhân theo quy định của Luật Thương mại;

- Cơ sở kinh doanh phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình kinh doanh và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; địa điểm đặt cơ sở kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

- Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên trực tiếp mua bán hàng hóa, nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ phải bảo đảm các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe theo quy định của pháp luật.

- Thương nhân kinh doanh phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp khi kinh doanh" (quy định Khoản 1 - Điều 7 - Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện).

b) Sản phẩm vật liệu xây dựng đưa ra thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

"- Sản phẩm vật liệu xây dựng phải đạt tiêu chuẩn đã công bố. Đối với sản phẩm thuộc danh mục phải tuân theo quy chuẩn kỹ thuật thì phải bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật;

- Những sản phẩm vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất;

- Sản phẩm vật liệu xây dựng có nhãn và nhãn phải bảo đảm ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa" (quy định tại Điều 32 - Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng).

c) Các sản phẩm vật liệu xây dựng kinh doanh có điều kiện không phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng, gồm:

"- Nhóm A: vật liệu xây dựng cồng kềnh, khối lượng lớn, dễ gây bụi (gồm: gạch xây, cát, đá, sỏi, vôi cục, vôi tôi, tấm lợp, kết cấu thép xây dựng, bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, tre, nứa, lá, đà giáo, cốp pha, cừ tràm, kính tấm xây dựng, đá ốp lát có tạo hình cắt, mài cạnh);

- Nhóm B: Các loại vật liệu xây dựng dễ cháy (gồm: gỗ xây dựng, tre, nứa, lá, vật liệu nhựa, các loại sơn dầu, giấy dầu, cót, cót ép);

- Nhóm C: Vật liệu xây dựng có mùi, hóa chất độc hại, gây bụi (gồm: sơn dầu, giấy dầu, cót ép, hắc ín, vôi tôi, vôi cục, vôi tôi trong bể)".

3. Đối với việc để phế thải vật liệu xây dựng:

a) Các loại vật liệu xây dựng bị hư hỏng, kém phẩm chất, phế thải trong quá trình vận chuyển, lưu chứa, kinh doanh phải được chở về nơi sản xuất hoặc xử lý phế thải vật liệu xây dựng đúng nơi quy định theo sự hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và chủ đầu tư công trình xây dựng phải ký hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý phế thải vật liệu xây dựng.

Điều 4. Quy định về khu vực đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng

1. Đối với sản xuất vật liệu xây dựng:

a) Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng phải được tập trung vào khu quy hoạch công nghiệp, khu chế xuất theo quy hoạch đô thị được duyệt trên địa bàn và quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Không cấp mới, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (kể cả gia công, chế biến) tại các địa điểm nằm ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất.

c) Từng bước chuyển đổi, ngưng hoạt động các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc

hậu, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp, không phù hợp quy hoạch chung của quận 7.

2. Đối với kinh doanh vật liệu xây dựng:

a) Các khu vực, đường phố được kinh doanh vật liệu xây dựng:

- Các cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng phải thuộc các tuyến đường chính, có chiều rộng hiện hữu tối thiểu ≥ 16m; vỉa hè hiện hữu tối thiểu ≥ 3m; đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển hàng hóa.

- Không cấp phép xây dựng, cấp mới, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh vật liệu xây dựng *(có hình thức lưu trữ, giao hàng trực tiếp tại địa điểm kinh doanh)* trên các tuyến đường nội bộ các khu nhà ở, khu dân cư hiện hữu trên địa bàn quận.

- Đối với vật liệu xây dựng nhóm A: không cho phép bố trí tại các tuyến đường trung tâm đô thị; bố trí tại các khu vực có nhiều dự án xây dựng, thuộc các tuyến đường có kết nối giao thông thủy, gồm:

STT	Tên đường - Khu vực	Khu vực quy định kinh doanh	
		Từ	Đến
01	Đào Trí *(phường: Phú Thuận)*	Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Văn Qùy
02	Phú Thuận *(phường: Phú Thuận)*	Khu dân cư Tấn Trường	Công viên Mũi Đèn Đỏ
03	Lê Văn Lương *(phường: Tân Phong)*	Nguyễn Thị Thập	Cầu Rạch Đĩa
04	Phạm Hữu Lầu, Đường 15B *(phường Phú Mỹ - không được bố trí tiếp giáp mặt tiền đường)*	Huỳnh Tấn Phát	Cầu Phước Long
05	Nguyễn Thị Thập nối dài *(phường: Tân Hưng)*	Lê Văn Lương	Cuối tuyến

- Đối với vật liệu xây dựng nhóm B, C: bố trí kinh doanh vật liệu xây dựng trên các tuyến đường sau, gồm:

STT	Tên đường - Khu vực	Khu vực quy định kinh doanh	
		Từ	Đến
01	Trần Xuân Soạn *(phường: Tân Kiểng, Tân Hưng, Tân Thuận Tây)*	Cầu Rạch Ông	đ. Tân Mỹ
02	Nguyễn Thị Thập *(phường: Tân Phong, Tân Phú, Tân Quy, Bình Thuận)*	Lê Văn Lương	Huỳnh Tấn Phát
03	Nguyễn Văn Quỳ *(phường: Phú Thuận, Tân Thuận Đông)*	Huỳnh Tấn Phát	Đào Trí
04	Lý Phục Man *(phường: Bình Thuận)*	Nguyễn Văn Linh	Huỳnh Tấn Phát
05	Hoàng Quốc Việt *(phường: Phú Mỹ, Phú Thuận)*	Huỳnh Tấn Phát	Đào Trí
06	Phạm Hữu Lầu *(phường: Phú Mỹ)*	Cầu Phước long	Huỳnh Tấn Phát
07	Lê Văn Lương *(phường Tân Hưng, Tân Quy, Tân Kiểng, Tân Phong)*	Trần Xuân Soạn	Nguyễn Văn Linh
08	Lâm Văn Bền *(Phường: Tân Quy, Tân Kiểng, Bình Thuận, Tân Thuận Tây)*	Trần Xuân Soạn	Nguyễn Thị Thập
9	Huỳnh Tấn Phát *(phường: Tân Thuận Tây, Bình Thuận, Tân Thuận Đông, Phú Thuận, Phú Mỹ, Tân Phú)*	Nguyễn Văn Linh	Cầu Phú Xuân
10	Đào Trí *(phường Phú Thuận)*	Nguyễn Văn Quỳ	Hoàng Quốc Việt
11	Trần Trọng Cung *(phường: Tân Thuận Đông)*	Huỳnh Tấn Phát	Khu Nam Long

b) Địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng (cửa hàng, siêu thị, kho, bãi, nơi giới thiệu sản phẩm) phải đáp ứng các điều kiện;

- Không xâm phạm lộ giới, chỉ giới giao thông, không lấn chiếm vỉa hè, lòng

đường. Bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ kênh rạch, hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường sông và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp;

- Có đủ diện tích cho việc xuất, nhập hàng hóa; đảm bảo không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường gây ùn tắc giao thông; Địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng thuộc Nhóm a phải đảm bảo khoảng lùi so với ranh vỉa hè ≥ 4m để phục vụ vận tải hàng hóa;

- Phải có đủ phương tiện, thiết bị để chữa cháy, biển báo an toàn tại nơi bán hàng vật liệu xây dựng thuộc Nhóm b và theo quy định của cơ quan chuyên ngành phòng cháy, chữa cháy;

- Không được cắt, mài cạnh đá ốp lát ở vỉa hè, đường phố; không để nước, bụi bẩn vương vãi nơi công cộng;

- Có biển ghi rõ tên cửa hàng, tên doanh nghiệp, tên tổ hợp tác hoặc tên hộ kinh doanh. Hàng hóa phải có xuất xứ, có đăng ký chất lượng, hướng dẫn sử dụng cho người tiêu dùng.

Điều 5. Phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định

1. Phòng Quản lý đô thị

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận quản lý quy hoạch phát triển về lĩnh vực vật liệu xây dựng, Quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng nhằm bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Định kỳ (ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12) hàng năm và đột xuất báo cáo về Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7; tình hình thực hiện Quy định khu vực đường phố, địa điểm kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng.

2. Phòng Kinh tế

- Cung cấp số liệu về tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn quận *(danh sách hộ kinh doanh, đăng ký mới, thay đổi nội dung kinh doanh, tạm ngưng kinh doanh, chấm dứt kinh doanh, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)* theo định kỳ ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hàng năm;

- Tham mưu việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn quận;

3. Phòng Thống kê

- Điều tra tình hình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quận;

- Cung cấp thông tin về số liệu thống kê sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng theo quy định tại Quyết định số 28/2007/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng, theo định kỳ ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hàng năm;

4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về: bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ;

- Tổ chức kiểm tra đối với các máy móc, thiết bị đưa vào sản xuất, chế biến, khai thác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

5. Phòng Tư pháp

Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật về lĩnh vực vật liệu xây dựng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn quận.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường của các địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 7; Tham mưu trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7. Đội Quản lý thị trường 7B

Thực hiện hướng dẫn, quản lý, kiểm tra điều kiện hoạt động của các đơn vị, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng về chất lượng sản phẩm, hàng hóa (nhãn mác, xuất xứ…) vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường.

8. Thanh tra Xây dựng quận

Tổ chức kiểm tra, xử lý các địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng xâm phạm lộ giới, chỉ giới giao thông, không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường. Bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ kênh rạch, hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường sông và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; các điểm kinh doanh đá có gia

công cắt, mài cạnh đá ốp lát ở vỉa hè, đường phố; để nước, bụi bẩn vương vãi nơi công cộng

9. Ủy ban nhân dân 10 phường

- Kiểm tra, xử phạt các vi phạm hành chính về trật tự đô thị trong việc sản xuất, kinh doanh và để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn phường;

- Thống kê các tổ chức, cá nhân thực tế kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn phường. Định kỳ ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về Phòng Quản lý đô thị.

10. Chi Cục Thuế quận 7

Quản lý thông tin về cá nhân, doanh nhiệp kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn quận; xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về người nộp thuế trên địa bàn theo định kỳ ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hàng năm cung cấp số liệu về tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn quận.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đang sản xuất, kinh doanh mặt hàng vật liệu xây dựng đảm bảo các điều kiện tại Quy định này: được tiếp tục tồn tại;

2. Trường hợp các tổ chức, cá nhân đang sản xuất, kinh doanh tại các địa điểm không phù hợp với Quy định này: phải thực hiện việc di dời hoặc thay đổi hình thức kinh doanh. Trong thời gian chưa di dời, các doanh nghiệp, cơ sở đang hoạt động phải nghiêm chỉnh chấp hành các tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường;

3. Thời hạn cho việc chuyển tiếp đến ngày **30 tháng 6 năm 2012**. Đến thời hạn nêu trên nếu các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa hoàn tất phương án và thực hiện di dời hoặc chuyển đổi hình thức kinh doanh phù hợp với quy định thì Ủy ban nhân dân quận tùy theo tình hình thực tế, ban hành văn bản quy định thêm thời hạn chuyển tiếp để các cá nhân, tổ chức có đủ thời gian giải quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tổ chức niêm yết, công bố, công khai quy định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận 7.

2. Ủy ban nhân dân 10 phường tổ chức công bố quy định này đến các địa điểm, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn phường trong thời gian tối đa là 30 ngày, kể từ khi ban hành Quy định này.

3. Các phòng, ban, đơn vị chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan phản ánh về Phòng Quản lý đô thị để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Triều

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2011/QĐ-UBND	*Bình Chánh, ngày 27 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc khen thưởng khi thôi việc đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố trên địa bàn huyện Bình Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn và Tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, tổ nhân dân; Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố; Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Thành phố;

Căn cứ Thông báo kết luận số 254-TB/HU ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thống nhất chủ trương giải quyết chế độ khen thưởng khi thôi việc đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 528/TTr-NV ngày 06 tháng 10 năm 2011 và Tờ trình số 557/TTr-NV ngày 19 tháng 10 năm 2011 và Báo cáo thẩm định số 435/BC-TP ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Trưởng Phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc khen thưởng khi thôi việc đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố trên địa bàn huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về khen thưởng khi thôi việc đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố trên địa bàn Huyện

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

Nhằm kịp thời động viên, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng chính trị ở cơ sở, an tâm công tác, cống hiến, gắn bó với công việc, nâng cao trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quy định về việc khen thưởng khi thôi việc đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố trên địa bàn huyện Bình Chánh, như sau:

I. Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, TIÊU CHUẨN VÀ HÌNH THỰC KHEN THƯỞNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ khen thưởng đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố khi thôi việc, vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khách quan khác, không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ. Quy định này không áp dụng đối với Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố nghỉ việc khi hết nhiệm kỳ công tác, do bầu cử lại không đạt, không tái cử.

Điều 2. Điều kiện, tiêu chuẩn

1. Có thời gian công tác liên tục tại ấp (khu phố), tổ nhân dân (tổ dân phố) từ 05 năm liên tục trở lên;

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; cùng gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước;

3. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

4. Thôi việc vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khách quan khác, không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Hình thức khen thưởng

Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh *(kèm theo tiền thưởng theo qui định).*

II. Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 4. Trình tự, thủ tục

1. Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố nộp hồ sơ có liên quan (tại khoản 1 và 2, Điều 5, Chương II của Quy định này) cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có văn bản kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) khen thưởng theo qui định.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

1. Đơn xin thôi giữ nhiệm vụ của Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố;

2. Các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn công nhận làm nhiệm vụ Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố;

3. Văn bản của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đề nghị xem xét, khen thưởng theo qui định. Trong văn bản kiến nghị, cần ghi rõ thời gian công tác, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thành tích đạt được theo từng năm đề nghị khen thưởng;

4. Tờ trình của Phòng Nội vụ đề xuất khen thưởng.

III. Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt Quy định này đến Trưởng (Phó) ấp, khu phố; Tổ trưởng (Tổ phó) Tổ nhân dân, Tổ dân phố về điều kiện tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng.

2. Giao Phòng Nội vụ thực hiện các nội dung sau:

a) Theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng theo Quy định này; đồng thời trực tiếp tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định khen thưởng theo qui định.

3. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện bổ sung phần kinh phí khen thưởng này trong Dự toán kinh phí khen thưởng hàng năm của Huyện theo qui định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Tuấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5164/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Về quy định tạm thời chuẩn phổ cập bậc trung học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 61-CT/TW ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

Căn cứ Công văn số 3420/THPT ngày 23 tháng 4 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện phổ cập bậc trung học;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2003/CT-UB ngày 21 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện phổ cập bậc trung học;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2666/GDĐT-TrH ngày 25 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định tạm thời chuẩn phổ cập bậc trung học của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận - huyện có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các đơn vị đã đạt chuẩn phổ cập bậc trung học giữ vững kết quả đạt được; tiếp tục tập trung chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể, nâng dần chất lượng phổ cập bậc trung học ở địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các thành viên Ban chỉ đạo phổ cập bậc trung học của thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
Về chuẩn phổ cập bậc trung học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Mục tiêu phổ cập bậc trung học của thành phố là huy động các nguồn lực, nâng cao dân trí, làm cho hầu hết công dân của thành phố đạt trình độ trung học trước khi hết tuổi 21, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

I. CHƯƠNG TRÌNH PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC

Chương trình phổ cập bậc trung học là chương trình trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề.

II. ĐỐI TƯỢNG PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC

Đối tượng phổ cập bậc trung học là thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến hết 21 tuổi đã tốt nghiệp Trung học cơ sở chưa tốt nghiệp một trong 3 chương trình phổ cập bậc trung học, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại thành phố Hồ Chí Minh.

III. TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC

1. Đối với cá nhân

Thanh thiếu niên thuộc đối tượng phổ cập bậc trung học được công nhận đạt chuẩn phổ cập bậc trung học phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp bổ túc trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề trước khi hết tuổi 21.

2. Đối với đơn vị cơ sở (phường - xã, thị trấn)

Phường - xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập bậc trung học là đơn vị:

a) Đạt và duy trì được chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

b) Huy động được 95% trở lên số đối tượng phổ cập đã tốt nghiệp trung học cơ sở theo học chương trình phổ cập bậc trung học; đối với ngoại thành là 85%.

c) Tỷ lệ tốt nghiệp chương trình phổ cập bậc trung học là 85% trở lên; đối với ngoại thành là 75%.

d) Tỷ lệ đối tượng từ 18 đến 21 tuổi có bằng tốt nghiệp chương trình phổ cập bậc trung học là 80% trở lên; đối với ngoại thành là 70%.

3. Đối với quận - huyện

Quận - huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập bậc trung học là đơn vị:

a) Đơn vị đã đạt và duy trì được chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

b) Có 90% trở lên số phường - xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc trung học tại thời điểm kiểm tra.

c) Có Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, các Trường trung học phổ thông có đủ điều kiện hoạt động để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Thành phố đạt chuẩn

Thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập bậc trung học khi có 100% quận - huyện đạt chuẩn phổ cập bậc bậc trung học tại thời điểm kiểm tra./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5169/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (thuộc gói thầu "Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 cho khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch - Xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2775/TTr-SQHKT ngày 14 tháng 9 năm 2011 về nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (thuộc

gói thầu "Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh"),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (thuộc gói thầu "Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh") với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch:

- Vị trí và ranh giới quy hoạch:

+ Phía Bắc: giáp đường Nguyễn Hữu Cảnh - rạch Thị Nghè;

+ Phía Tây: giáp đường Đinh Tiên Hoàng - đường Võ Thị Sáu - đường Cách Mạng Tháng Tám;

+ Phía Nam: giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai - đường Cống Quỳnh - đường Nguyễn Cư Trinh - đường Nguyễn Thái Học - cầu Ông Lãnh - đường Vĩnh Phước - đường Hoàng Diệu và đường Nguyễn Tất Thành.

+ Phía Đông: giáp sông Sài Gòn.

- Diện tích khu vực quy hoạch: 929,06 ha

Quận	Các phường có liên quan	Diện tích thuộc ranh quy hoạch
Quận 1	Các phường Nguyễn Thái Bình, Bến Thành, Bến Nghé, Phạm Ngũ Lão, một phần phường Cầu Ông Lãnh, một phần phường Đa Kao	554,35
Quận 3	Phường 6, một phần phường 7	131,94
Quận 4	Các phường 9, 12, 13, 18	112,11
Quận Bình Thạnh	Phường 22 và một phần phường 19	128,65
Tổng cộng		**929,06 ha**

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch:

Ban Quản lý dự án Quy hoạch xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch:

Công ty Nikken Sekkei (Nhật Bản).

4. Danh mục các bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch đô thị:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm;

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất quy hoạch;

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phương án so sánh tỷ lệ 1/10000;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phương án chọn tỷ lệ 1/10000.

5. Tính chất của khu vực quy hoạch:

- Là khu trung tâm cấp thành phố đạt chuẩn quốc tế về chất lượng sống, là nơi ghi dấu lịch sử với các công trình di sản kiến trúc cần được quan tâm bảo tồn và tôn tạo, với các chức năng đa dạng như dân cư kết hợp với các cơ quan hành chính, văn hóa, thương mại, dịch vụ, .v.v...

- Là một phần của khu trung tâm chính thành phố bao gồm khu trung tâm hiện hữu mở rộng và Khu đô thị mới Thủ Thiêm, cân đối về chức năng và quy mô phát triển đảm bảo một số tính chất như sau: phát huy chức năng trung tâm hành chính - chính trị; bảo tồn tính chất lịch sử - văn hóa; phát huy hiệu quả hoạt động tài chính - thương mại - dịch vụ, tạo điều kiện thu hút đầu tư; tăng khả năng phục vụ của hạ tầng kỹ thuật và xã hội đô thị; ổn định quy mô dân số thường trú, tăng khả năng phục vụ dân số vãng lai; cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị kết hợp với các dự án đã và đang thực hiện; phát huy bản sắc đặc thù của trung tâm thành phố bên bờ sông: thành phố nhiệt đới, sông nước (khai thác triệt để cảnh quan bờ sông Sài Gòn và rạch Bến Nghé)…; thể hiện sự tiếp nối của các giai đoạn phát triển Thành phố: vừa mang tính hiện đại vừa giữ gìn, tôn tạo bản sắc truyền thống, lịch sử; không gian đô thị sống động, thân thiện với người hưởng dụng; tạo được hình ảnh thành phố đặc sắc, độc đáo, mang tính biểu tượng cao.

6. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

6.1. Dự báo quy mô dân số:

- Quy mô dân số dự kiến đến năm 2020 của khu vực nghiên cứu trong khoảng 273.000 người.

- Quy mô dân số này dựa trên các tiêu chí sau: Hạn chế tăng quy mô dân số, tái định cư tại chỗ và tái định cư tại các khu vực lân cận trong phạm vi quận 1, quận 3 và bổ sung dân số đối với quận Bình Thạnh.

6.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo quy mô dân số

Số TT	LOẠI CHỈ TIÊU		ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU QUY HOẠCH
A	**Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu**		m²/người	**34.0**
B	**Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu**		m²/người	**15.8**
C	**Chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở**			
	Đất nhóm nhà ở			8.7
	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở		m²/người	2.2
	Trong đó đất giáo dục		m²/người	0.6
	Đất cây xanh sử dụng công cộng		m²/người	0.2
	Đất giao thông		Km/km^2	13.1
			m^2/người	4.8
D	**Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị**			
	Tiêu chuẩn cấp nước (sinh hoạt)		Lít/người/ngày	200
	Văn phòng		Lít/m^2/ngày	5
	Thương mại		Lít/m^2/ngày	10
	Khách sạn		Lít/phòng/ngày	500
	Giáo dục		Lít/m^2/ngày	5
	Y tế		Lít/m^2/ngày	20
	Văn hóa		Lít/m^2/ngày	15
	Công viên		Lít/ha/ngày	30
	Giao thông		Lít/ha/ngày	5
	Tỷ lệ rò rỉ		%	30
	Nước chữa cháy		%	10

	Tiêu chuẩn thoát nước (sinh hoạt)	Lít/người/ngày	200
	Tiêu chuẩn cấp điện	Kwh/người/năm	1400-2400
	Văn phòng	W/m^2	30
	Thương mại	W/m^2	30
	Khách sạn	W/phòng/ngày	3500
	Giáo dục	W/m^2	20
	Y tế	W/m^2	25
	Văn hóa	W/m^2	25
	Nhà máy xử lý nước thải	W/m^2	25
	Công viên	W/m^2	3
	Giao thông	W/m^2	1
	Tiêu chuẩn rác thải	Kg/người/ngày	1,3
Đất cây xanh cấp đô thị		**978,128 (ha)**	
Đất giao thông cấp đô thị		**905,012 (ha)**	

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

SỐ TT	LOẠI CHỈ TIÊU		ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU QUY HOẠCH
1	**TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT**		**m²**	**929,06**
2	**DÂN SỐ DỰ KIẾN**		**Người**	**257.780**
3	**MẬT ĐỘ XÂY DỰNG**		**%**	**3 - 80**
4	**CHIỀU CAO**	TỐI ĐA	m	**230**
		TỐI THIỂU	m	**4**
5	**HSSDĐ (thuần trung bình)***			**4,3**
	HSSDĐ (gộp)**			**2,5**

7. Các khu chức năng chính trong khu vực quy hoạch:

Việc phân khu chức năng đảm bảo ý tưởng của phương án đạt giải nhất cuộc thi "Ý tưởng thiết kế đô thị khu trung tâm hiện hữu mở rộng Thành phố Hồ Chí Minh". Phù hợp với đồ án Quy hoạch chung quận 1, quận 3, quận 4 và quận Bình Thạnh. Trên cơ sở nguyên tắc trên, khu vực quy hoạch dự kiến được phân thành 5 khu vực với các chức năng chính như sau:

7.1. Khu vực Thương mại - Tài chính (CBD):

- Là khu vực lõi trung tâm kinh doanh thương mại của thành phố toàn bộ nằm

trong ranh giới quận 1; giới hạn bởi phía Bắc và phía Đông giáp đường Tôn Đức Thắng, phía Tây giáp đường Lê Lai và Lê Thánh Tôn, phía Nam giáp đường Phạm Ngũ Lão và Hàm Nghi; diện tích khoảng 93ha; sẽ được giữ nguyên với các chức năng đô thị như trung tâm kinh doanh thương mại và hành chính/ dịch vụ công cộng phục vụ cho Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị khác trong vùng. Ngoài ra khu vực này cũng sẽ có các chức năng khách sạn, mua sắm và văn hóa giải trí dành cho khách du lịch vì đây cũng là khu vực thu hút du lịch với các công trình lịch sử và cảnh quan bờ sông Sài Gòn. Sẽ có các khu vực được thiết kế ưu tiên cho người đi bộ và nghiêm cấm lưu thông xe hơi.

7.2. Khu vực Trung tâm Văn hóa - Lịch sử:

- Là trục trung tâm văn hóa lịch sử quanh trục đường Lê Duẩn, hoàn toàn thuộc ranh giới quận 1; giới hạn phía Bắc giáp rạch Thị Nghè và đường Hoàng Sa, phía Tây giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai, phía Nam giáp đường Cống Quỳnh, phía Đông giáp đường Lê Lai và Lê Thánh Tôn; diện tích khoảng 223ha; sẽ được bố trí là khu vực trung tâm về văn hóa và lịch sử cùng với các chức năng kinh doanh, thương mại, dân cư và giáo dục. Các cao ốc văn phòng, căn hộ và trung tâm mua sắm sẽ được xây dựng để tạo nên cảnh quan đô thị lịch sử. Các công viên, quảng trường lớn từ thời Pháp phải được giữ lại để tạo sự thoải mái và tiện nghi hàng ngày.

7.3. Khu Bờ Tây sông Sài Gòn:

Khu vực bờ Tây sông Sài Gòn, trải dài từ cầu Sài Gòn đến cầu Tân Thuận, thuộc một phần quận 1, quận 4 và quận Bình Thạnh; giới hạn bởi phía Bắc giáp cầu Sài Gòn, phía Tây giáp đường Nguyễn Hữu Cảnh và Tôn Đức Thắng, phía Nam giáp đường Nguyễn Tất Thành và kênh Tẻ, phía Đông giáp sông Sài Gòn; diện tích khoảng 274,8ha. Chức năng sử dụng đất: thương mại, dịch vụ, ở, du lịch, giải trí, y tế, văn hóa, giáo dục, kết hợp tổ chức không gian công cộng dành cho người dân thành phố với hình thức công viên tập trung, đề xuất giải tỏa khu dân cư hiện hữu với khu phố Tân Cảng. Tận dụng ưu thế của bờ sông, hình thành dải công viên văn hóa, giải trí và không gian công cộng dọc bờ sông từ cầu Sài Gòn đến cầu Tân Thuận. Đảm bảo sự tiếp cận của người dân thành phố đến toàn bộ khu vực cây xanh không gian dọc bờ sông.

7.4. Khu Biệt thự:

- Khu vực biệt thự ở quận 1 và quận 3; giới hạn bởi phía Bắc giáp rạch Thị Nghè và đường Hoàng Sa, phía Tây giáp đường Võ Thị Sáu, phía Nam giáp đường Cách Mạng Tháng Tám, phía Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai; diện tích khoảng

232ha; sẽ được phát triển thành khu dân cư, thương mại thấp tầng với các công trình văn hóa và giáo dục. Việc phát triển khu vực này sẽ phải hài hòa đối với các biệt thự lâu đời từ thời Pháp thuộc.

7.5. Khu vực lân cận CBD (lân cận khu thương mại, tài chính):

- Khu vực kế cận khu trung tâm CBD thuộc một phần quận 1 và quận 4; giới hạn bởi phía Bắc giáp đường Hàm Nghi và Phạm Ngũ lão, phía Tây giáp đường Nguyễn Thái Học và Cống Quỳnh, phía Nam giáp đường Hoàng Diệu, phía Đông giáp đường Tôn Đức Thắng và Nguyễn Tất Thành; diện tích khoảng 117ha; sẽ được phát triển với chức năng kinh doanh thương mại tiếp nối từ khu Trung tâm Thương mại - Tài chính. Một số lô công trình đã được xây dựng sẽ phải được cải tạo lại nhằm đảm bảo sự phân bổ chức năng hợp lý.

Trong các phân khu chức năng nêu trên, ngoài các chức năng chính còn bao gồm các chức năng khác (đa chức năng) đảm bảo hoạt động của khu trung tâm thành phố.

8. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch:

- Nhiệm vụ quy hoạch được lập dựa trên cơ sở kết quả cuộc thi "Ý tưởng Thiết kế đô thị khu trung tâm hiện hữu mở rộng thành phố Hồ Chí Minh" có quy mô 930 ha. Kết quả cuộc thi sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố thông qua đã được triển lãm lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân thành phố từ ngày 29 tháng 10 năm 2008 đến ngày 02 tháng 11 năm 2008 tại Trung tâm triển lãm thành phố.

- Xét đến tính cấp bách của thực tế phát triển, tư vấn được yêu cầu phải hoàn tất công việc lập Thiết kế đô thị và quy hoạch chi tiết liên quan đến kiến trúc và giao thông cho khu bờ Tây sông Sài Gòn trong giai đoạn đầu tiên.

- Trong quá trình thực hiện đồ án, các dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận về chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc sẽ được coi như điều kiện hiện trạng để cập nhật vào đồ án khi phê duyệt.

Điều 2. Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt này, Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận

tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường thuộc phạm vi quy hoạch và Giám đốc Ban Quản lý dự án Quy hoạch xây dựng (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5239/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 4

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5191/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung quận 4 đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 4 tại Tờ trình số 12/TTr-UBND-ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2009 và văn bản số 846/UBND-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2010 (đính kèm hồ sơ) về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2058/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 7 năm 2011 về điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 4,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 4 với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, diện tích và giới hạn khu vực điều chỉnh quy hoạch:

- Địa điểm khu vực quy hoạch: phường 1, quận 4.

- Diện tích khu vực quy hoạch: 38,656 ha.

- Vị trí và giới hạn khu vực quy hoạch:

Khu vực quy hoạch nằm ở phía Tây - Nam quận 4, được giới hạn bởi:

+ Hướng Đông : giáp đường Nguyễn Khoái.

+ Hướng Tây : giáp kênh Tẻ và kênh Bến Nghé.

+ Hướng Nam : giáp đường Tôn Thất Thuyết và kênh Tẻ.

+ Hướng Bắc : giáp kênh Bến Nghé.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch: Ủy ban nhân dân quận 4.

3. Danh mục các bản vẽ đồ án quy hoạch:

+ Bản đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/5000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc, cảnh quan, giao thông và đánh giá quỹ đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và ô nhiễm môi trường, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ cơ cấu phân khu chức năng, tỷ lệ 1/5000.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch giao thông, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản vẽ minh họa về thiết kế đô thị và bố cục không gian đô thị.

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.

4. Tính chất của khu vực quy hoạch:

- Hiện trạng xây dựng phường 1, quận 4 có nhiều khu dân cư xây dựng tự phát xen lẫn các kho xưởng, xí nghiệp sản xuất công nghiệp, chất lượng xây dựng và kiến trúc rất thấp, thiếu công trình công cộng. Cần thiết phải di dời các xí nghiệp ô nhiễm

ra khỏi khu dân cư, chuyển đổi chức năng từ đất sản xuất công nghiệp sang đất dân dụng và xây dựng các khu dân cư cao tầng hiện đại với đầy đủ dịch vụ công cộng và hạ tầng đáp ứng cho môi trường sống tốt của người dân.

- Hình thức nâng cấp cải tạo đô thị chủ yếu là giải tỏa xây dựng mới, tái phân bố dân cư hợp lý tại các khu nhà ở cao tầng ven rạch Bến Nghé, kênh Tẻ và các trục đường giao thông chính.

5. Dự báo quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị của khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số đến năm 2020: tối đa 25.000 người.

(dân số hiện trạng năm 2009: 9.524 người)

5.2. Cơ cấu sử dụng đất của khu vực quy hoạch:

Số TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu
		(ha)	(%)	(m^2/người)
I.	**Đất đơn vị ở**	**38,1**	**98,6**	**15,3**
1	Đất nhóm nhà ở	12,38	32	5,0
2	Đất công trình công cộng	3,17	8,2	1,3
3	Đất cây xanh	12,04	31,1	4,8
4	Đất giao thông	10,51	27,2	4,2
II.	**Đất ngoài đơn vị ở**	**0,556**	**1,4**	**0,2**
1	Đất giao thông đối ngoại	0,556		
	Tổng cộng	**38,656**	**100**	**15,5**

Bảng tổng hợp chỉ tiêu quy hoạch xây dựng phường 1

Số TT	Khu chức năng	Diện tích	Số dân	Tầng cao	Mật độ xây dựng
		(ha)	(người)	Tối đa	(%)
I.	**Đất đơn vị ở**	**38,09**	**25.000**		
1. Đất nhóm nhà ở		**12,38**		**30**	
1.1. Nhóm nhà ở xây dựng mới		**11,53**	**24.600**		
	Nhóm nhà ở 1	3,12	6.800	30	40 - 65

	Nhóm nhà ở 2	2,91	6.700	24	40 - 65
	Nhóm nhà ở 3	5,50	11.100	24	40
1.2. Nhóm nhà ở chỉnh trang		**0,85**	**400**		
	Nhóm nhà ở 4	0,85	400	8	75
2. Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở		**3,17**			
2.1. Đất giáo dục		**2,50**			
	Giáo dục-1 Mầm non xây mới	0,29	*- Chiều cao trường mầm non tối đa 2 tầng* *- Chiều cao các trường học khác (tiểu học, PTCS, PTTH) tối đa 4 tầng* *- Mật độ xây dựng khoảng 40%*		
	Giáo dục-2 Tiểu học hiện hữu	0,33			
	Giáo dục-3 Tiểu học xây mới	0,47			
	Giáo dục-4 phổ thông trung học xây mới	1,35			
	Giáo dục-5 Đất giáo dục khác	0,06			
2.2. Đất công trình công cộng		**0,67**			
	Công trình công cộng - 6	0,32		12	40 - 60
	Công trình hỗn hợp - 7	0,25		25	40
	Công trình công cộng - 8	0,10		12	40 - 60
3. Đất cây xanh, mặt nước		**12,04**			
3.1	Cây xanh - 1	0,27	*- Không xây dựng công trình kiến trúc kiên cố trên mặt đất*		
3.2	Cây xanh - 2	1,79			
3.3	Cây xanh - 3	2,08			
3.4	Mặt nước	7,90			
4. Đất giao thông		**10,51**			
4.1	Đất giao thông đối nội	10,51			
II.	**Đất ngoài đơn vị ở**	**0,57**			
1. Đất giao thông đối ngoại		**0,57**			
	Tổng cộng	**38,656**			

5.3. Chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và xã hội khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu		Đơn vị	Quyết định số 1668/QĐ-UB năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 4 phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	Theo đồ án đề xuất
A	**Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu**		m^2/ng	15,46	**15,46**
B	**Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình toàn khu**		m^2/ng	5,1	**5,1**
C					
	- Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở		m^2/ng	1,3	1,3
	- Đất giáo dục		m^2/ng	1	1
	- Đất cây xanh và mặt nước sử dụng công cộng		m^2/ng	4,8	4,8
	- Đất giao thông		m^2/người	4,02	4,02
D					
	Tiêu chuẩn cấp nước		lít/ng/ngày		200
	Tiêu chuẩn thoát nước		lít/ng/ngày		200
	Tiêu chuẩn cấp điện		kwh/ng/năm		1800 ÷ 3000
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải		kg/ng/ngày		1,3
E					
	Mật độ xây dựng chung		%	40 ÷ 65	40 ÷ 65
	Hệ số sử dụng đất			1,4 ÷ 10	1,4 ÷ 10
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	24	30
		Tối thiểu	tầng	2	2

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

- Khu dân cư phường 1, quận 4 được quy hoạch xây dựng đô thị theo hình thức cải tạo, chỉnh trang kết hợp xây dựng mới trên cơ sở các dự án phát triển đô thị.

Chuyển đổi chức năng sử dụng đất các khu kho, xưởng sản xuất công nghiệp và các khu đất lụp xụp, sình lầy để xây dựng mới các khu nhà ở cao tầng hiện đại, thông thoáng kết hợp công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh và không gian mở công cộng.

- Lập phương án giữ lại và chỉnh trang các công trình tôn giáo hiện hữu.

- Về bố trí nhà ở, khu vực quy hoạch được phân thành 04 nhóm nhà ở với chỉ tiêu quy hoạch định hướng đã nêu tại mục 5.2, cụ thể bố cục như sau:

+ Nhóm nhà ở 1: giới hạn bởi các tuyến đường số 4, ĐB1, Nguyễn Khoái và Bến Vân Đồn. Chức năng quy hoạch là khu phức hợp chung cư cao tầng kết hợp thương mại - dịch vụ công cộng.

+ Nhóm nhà ở 2: giới hạn bởi các tuyến đường Tôn Thất Thuyết, số 2, số 3, số 4, ĐB2 và Bến Vân Đồn. Chức năng quy hoạch là khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại - dịch vụ công cộng, trong đó có bố trí trường mầm non.

+ Nhóm nhà ở 3: giới hạn bởi các tuyến đường số 4, số 5, ĐB3, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Khoái và trường học. Chức năng quy hoạch là khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại - dịch vụ công cộng.

+ Nhóm nhà ở 4: giới hạn bởi các tuyến đường số 5, ĐB3, Tôn Thất Thuyết, và Nguyễn Khoái. Chức năng quy hoạch là khu dân cư hiện hữu chỉnh trang và trường học.

- Về công trình công cộng cấp đơn vị ở, bố trí bên trong lõi phường 1, chủ yếu dọc các trục đường số 3, ĐB1, ĐB2, Nguyễn Khoái với chỉ tiêu quy hoạch định hướng đã nêu tại mục 5.2

6.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Bố cục các cụm công trình hỗn hợp cao tầng (chức năng nhà ở kết hợp công trình công cộng và thương mại - dịch vụ) dọc các trục giao thông chính của quận 4 đi ngang khu vực phường 1 (gồm đường Bến Vân Đồn, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Khoái) tại các khu đất được chuyển đổi công năng từ cơ sở sản xuất công nghiệp. Chiều cao công trình cao tầng tối đa 30 tầng.

- Khu vực dân cư lụp xụp Cù lao Nguyễn Kiệu hiện hữu giới hạn bởi cầu Nguyễn Văn Cừ, đường Bến Vân Đồn, đường số 1, kênh Tẻ được quy hoạch xây dựng thành khu công viên cây xanh tập trung và vui chơi giải trí.

6.3. Thiết kế đô thị:

Nghiên cứu thiết kế đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị theo 02 phân khu chính:

a) Khu vực đô thị bên trong tập trung các công trình công cộng phục vụ cư dân phường 1 và quận 4, tầng cao vừa phải, mật độ xây dựng thấp hơn.

b) Khu vực đô thị dọc các tuyến đường Tôn Thất Thuyết, Bến Vân Đồn bố trí xây dựng chung cư cao tầng kết hợp công trình công cộng và thương mại - dịch vụ, trong đó quan tâm đặc biệt kiến trúc cảnh quan công trình dọc hai bên bờ kênh, khuyến khích các phương án mở rộng không gian mở dành cho công viên, cây xanh, vườn hoa trong các khu ở.

Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc để quản lý và xây dựng áp dụng quy chuẩn xây dựng và các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường khu vực (lộ giới ≥ 16m) bao gồm các nội dung sau:

7.1. Quy hoạch giao thông:

- Khu vực phường 1 có 02 trục giao thông đối ngoại là cầu Nguyễn Văn Cừ và đường cầu Nguyễn Khoái đi ngang, nối quận 4 với các quận khác.

- Hệ thống đường giao thông quy hoạch như sau:

+ Đường Nguyễn Khoái lộ giới 25m; đoạn gần cầu băng ngang kênh Bến Nghé và kênh Tẻ lộ giới 41m.

+ Đường số 3, Bến Vân Đồn và Tôn Thất Thuyết lộ giới 25m, trong đó đường Bến Vân Đồn và Tôn Thất Thuyết mở lệch từ tim về phía kênh là 15m. Đường Bến Vân Đồn (đoạn dẫn vào cầu Nguyễn Văn Cừ) lộ giới 28m.

+ Dự phóng các tuyến đường chính khu vực như sau:

• Đường số 1 lộ giới 28m.

• Đường số 2, 4, 5, 6, ĐB1,ĐB2 (đoạn từ đường số 3 đến số 5) lộ giới 20m.

• Đường ĐB2 (đoạn từ đường số 5 đến Nguyễn Khoái) lộ giới 16m.

• Đường ĐB3 lộ giới 14m.

- Bán kính bó vỉa tối thiểu 10m tại giao lộ đối với các tuyến đường nội bộ, tối thiểu 12m tại giao lộ đối với đối với các tuyến đường khu vực.

- Lưu ý:

+ Các tuyến đường/hẻm quy hoạch lộ giới nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch chỉ mang tính chất tham khảo.

+ Đối với hẻm lộ giới nhỏ hơn 12m, Ủy ban nhân dân quận 4 trong quá trình triển khai dự án đầu tư và quản lý đô thị sẽ căn cứ Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố để xác định cụ thể.

+ Đối với đường lộ giới nhỏ hơn 12m không thuộc quy hoạch hẻm, trong quá trình triển khai các dự án đầu tư sẽ căn cứ trên điều kiện hiện trạng, nhu cầu và phương án tổ chức giao thông để đề xuất, trình duyệt quy hoạch.

+ Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để làm cơ sở công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân quận 4 và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu được cập nhật.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Quy hoạch chiều cao (san nền):

- Tổ chức san đắp cục bộ cho khu quy hoạch.

- Chọn cao độ khống chế cho toàn khu vực là H=2,00m (Hệ cao độ VN2000), tính đến phần thấp nhất của mép đường.

- Đối với khu hiện hữu cải tạo giữ lại có nền đất <2,00m: khuyến cáo nâng dần nền đất lên cao độ 2,00m khi có điều kiện.

- Khu xây dựng mới có nền đất <2,00m: nâng nền triệt để, đảm bảo cao độ xây dựng >=2,00m.

- Hướng đổ dốc từ giữa các tiểu khu ra xung quanh.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Tổ chức thoát chung hệ thống nước bẩn và mưa.

- Giữ lại các tuyến cống hiện hữu còn thoát nước hiệu quả, kết hợp xây mới các tuyến cống dọc theo các trục đường giao thông phù hợp với định hướng thoát nước của đồ án quy hoạch chung quận 4, đảm bảo thoát nước hiệu quả cho khu vực.

- Hướng thoát: thoát ra kênh Bến Nghé phía Tây Bắc và kênh Tẻ phía Nam.

- Cống xây mới sử dụng cống bê tông cốt thép đặt ngầm, kích thước cống biến đổi từ Φ600 đến Φ1200, nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,7m.

*** Lưu ý:** trong quá trình triển khai quy hoạch cần lưu ý một số nội dung như sau:

- Vị trí đặt cửa xả thoát nước ra kênh Bến Nghé và kênh Tẻ sẽ xác định cụ thể khi có đánh giá hiện trạng chi tiết đảm bảo không gây ảnh hưởng đến kết cấu bờ kè.

- Nội dung tổ chức san nền chi tiết trong các ô phố sẽ nghiên cứu triển khai trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo phù hợp với điều kiện thực tế của khu vực.

7.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước máy thành phố từ Nhà máy nước Thủ Đức, dựa vào tuyến Φ500 trên đường Nguyễn Khoái.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 200 (lít/người/ngày).

- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 15 lít/s/1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy (theo TCVN 2622-1995).

- Tổng nhu cầu dùng nước: 9900 (m^3/ngày).

- Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng lưới cấp nước hiện hữu, có bổ sung, thay mới một số tuyến ống, tạo thành mạng lưới cấp nước dạng mạng vòng, kết hợp nhánh cụt.

7.4. Quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện: 1800÷3000KWh/người/năm.

- Nguồn cấp điện lấy từ trạm ngắt Vĩnh Hội. Dài hạn sẽ bổ sung từ trạm 110/15-22KV Chánh Hưng.

- Xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV cấp điện cho các khu hoạch, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng máy biến áp từ 400-1000KVA, xây dựng kiểu trạm phòng. Các trạm cũ có dung lượng nhỏ, dạng trạm treo gây mất mỹ quan hoặc không phù hợp với quy hoạch sẽ được tháo bỏ.

- Xây dựng mới tuyến trung thế và hạ thế cấp điện công trình, chiếu sáng công cộng sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện phù hợp, chôn ngầm.

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng trên các trục đường xây dựng mới hoặc mở rộng sử dụng đèn cao áp Sodium 150-250W, 220V có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm cao 8 - 12m.

7.5. Quy hoạch thoát nước bẩn, rác thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước bẩn:

- Giải pháp thoát nước bẩn:

+ Giai đoạn đầu: sử dụng hệ thống cống chung để thoát nước mưa và nước thải, nước thải được xử lý qua bể tự hoại trước khi đưa ra cống thoát nước trên đường phố.

+ Giai đoạn dài hạn: nước thải được tách ra bằng giếng tách dòng, sau đó đưa về trạm xử lý tại xã Bình Hưng huyện Bình Chánh.

- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 200 (lít/người/ngày).

- Tổng lượng nước thải: 7.800 (m^3/ngày).

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt : 1,3 (kg/người/ngày).

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt : 32,5 (tấn/ngày).

- Phương án thu gom và xử lý rác: Rác thải được thu gom và vận chuyển về khu tập trung của thành phố theo quy định.

8. Nội dung lưu ý khác:

- Hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch này được lập theo nội dung Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và lập trước ngày 20 tháng 9 năm 2010 (ngày có hiệu lực của Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị).

- Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược và "Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1 quận 4" sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình thẩm định và phê duyệt bổ sung sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn triển khai Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ. Riêng nội dung quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình thẩm định và phê duyệt bổ sung trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này.

- Việc công bố công khai quy hoạch đô thị và cắm mốc giới theo quy hoạch đô thị cần thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 và Điều 53, Điều 54 và Điều 57 Luật Quy hoạch đô thị.

Điều 2. Quyết định này đính kèm các bản vẽ quy hoạch được nêu tại khoản 3, Điều 1 Quyết định này.

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị này, Ủy ban nhân dân quận 4 cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch đô thị theo quy định.

Trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị được phê duyệt này, Ủy ban nhân dân quận 4 cần có kế hoạch tổ chức lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch và định hướng phát triển kiến trúc đô thị, bảo vệ cảnh quan đô thị, kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển đô thị trong phạm vi quy hoạch; đồng thời tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch đô thị để triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1, quận 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5240/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha) thuộc khu dân cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 90,31ha) phường An Phú, quận 2

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 2;

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2;

Căn cứ Công văn số 3339/UBND-ĐTMT ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc tại khu đất 12,5ha phường Bình Trưng Tây và khu 30ha Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2757/TTr-SQHKT ngày 13 tháng 9 năm 2011 và Công văn số 3102/SQHKT-QHKTT ngày 18 tháng 10 năm 2011 về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha) thuộc khu dân cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 90,31ha), phường An Phú, quận 2,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha) thuộc khu dân cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 90,31ha), phường An Phú, quận 2, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Vị trí khu đất quy hoạch: phía Nam phường An Phú, quận 2.

- Quy mô khu đất quy hoạch: **30,1060ha** (theo bản đồ hiện trạng vị trí số 39183 KĐ/GĐ-TNMT ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Giới hạn khu đất quy hoạch:

+ Phía Bắc: giáp đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây;

+ Phía Nam: giáp sông Giồng Ông Tố;

+ Phía Đông: giáp nút giao thông đường cao tốc và đường Đỗ Xuân Hợp;

+ Phía Tây: giáp khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (60,21ha) do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc và Ủy ban nhân dân quận 2 làm chủ đầu tư.

2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21.

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Ánh Sáng Phương Nam.

4. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21.

5. Lý do và sự cần thiết phải lập Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu):

- Theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc (90,26ha), phường An Phú, quận 2, gồm 03 dự án như sau:

+ Khoảng 30ha giao cho Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 để đầu tư xây dựng khu dân cư cao tầng và du lịch - văn hóa - giải trí. Đổi lại, Công ty đầu tư xây dựng khu tái định cư 30,224ha (4.200 căn hộ) tại phường Bình Khánh.

+ Khoảng 30ha giao cho Ủy ban nhân dân quận 2 để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khoảng 2.000 nền đất phục vụ tái định cư dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm và các dự án trọng điểm của thành phố trên địa bàn quận 2.

+ Khoảng 30ha giao cho Liên danh Keppel Land - Tiến Phước (nay là Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc) để xây dựng khu dân cư. Đổi lại, Công ty sẽ đầu tư xây dựng khoảng 1.886 căn hộ và khu công viên cây xanh tại khu 17,3ha phường Bình Khánh - phường An Phú. Đồng thời, Công ty sẽ bỏ vốn đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội trong khu quy hoạch 60ha (bàn giao cho quận 2 quản lý theo quy định) và xây dựng mẫu 200 căn nhà tại khu tái định cư 2.000 nền đất để định hướng xây dựng cho các hộ dân.

- Theo nội dung Công văn số 973/UBND-ĐTMT ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về chấp thuận báo cáo đề xuất của Sở Xây dựng tại Công văn số 69/SXD-TCT-BTT ngày 13 tháng 02 năm 2009, theo đó giao trực tiếp cho các chủ đầu tư dự án thành phần tại khu 90ha tự tổ chức lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, sau đó thông qua Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (không yêu cầu các chủ đầu tư phải lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu 90ha, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khu 90ha Nam Rạch Chiếc, trong đó có 2.000 nền kịp thời bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm trong năm 2010).

- Đối với dự án khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (60,21ha) do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc và Ủy ban nhân dân quận 2 làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố đã duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011 cơ bản phù hợp với Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2;

- Đối với dự án khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha) do Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 làm chủ đầu tư; tại Công văn số 3339/UBND-ĐTMT ngày 08 tháng 7 năm 2011 Ủy ban nhân dân thành phố đã đồng ý về nguyên tắc với phân tích và đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 2 tại Công văn số 2039/UBND-QLĐT ngày 16 tháng 6 năm 2011 về chủ trương hoán đổi vị trí 2ha Trường trung học phổ thông từ dự án 12,5ha phường Bình Trưng Tây sang khu 30,1ha Nam Rạch Chiếc nhằm cân đối, đảm bảo bán kính phục vụ của các Trường trung học phổ thông công lập theo tình hình thực tế triển khai quy hoạch phân bổ dân cư trên địa bàn quận 2 và xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch của dự án 30,1ha này để đảm bảo tính khả thi của các dự án (liên quan đến việc hoán đổi đất khoảng hơn 2ha cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Lan Bình tại khu 30,2ha phường Bình Khánh, quận 2). Do đó, chỉ tiêu quy hoạch của dự án Khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (30,1ha), phường An Phú, quận 2 có thay đổi so với Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2, nên cần phải duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu 30,1ha này để làm đầu bài, cơ sở triển khai nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định.

6. Mục tiêu của Nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu):

- Tổ chức xây dựng khu dân cư mới, đảm bảo chất lượng và môi trường sống tốt, đạt tiêu chuẩn quy phạm. Về tính chất là khu dân cư mới đa chức năng, bao gồm: nhà ở cao tầng và thấp tầng kinh doanh, công trình thương mại - dịch vụ, giáo dục, công viên cây xanh kết hợp du lịch - văn hóa - giải trí,… trong đó bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ và hiện đại.

- Sử dụng có hiệu quả quỹ đất đô thị phục vụ cộng đồng, nhấn mạnh và khai thác tối đa yếu tố cảnh quan giáp sông, rạch và trục giao thông chính của đô thị.

7. Định hướng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha):

7.1. Về quy hoạch không gian kiến trúc - cảnh quan:

a) Nguyên tắc:

- Các nội dung quy hoạch - kiến trúc phải đảm bảo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng và Tiêu chuẩn thiết kế Việt Nam hiện hành về quy hoạch xây dựng khu dân cư mới đồng bộ và hoàn chỉnh.

- Đảm bảo hài hòa về không gian kiến trúc - cảnh quan và nối kết đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch với khu vực xung quanh.

b) Định hướng quy hoạch sử dụng đất:

- Khu vực quy hoạch được bố cục phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất theo quy mô tương đương 01 đơn vị ở.

- Khu vực quy hoạch là khu dân cư phức hợp gồm: nhà ở cao tầng và thấp tầng, công trình thương mại - dịch vụ, công trình công cộng (trường học, y tế…), công viên cây xanh - thể dục thể thao kết hợp du lịch - văn hóa - giải trí…

- Các chỉ tiêu về quy hoạch - kiến trúc được quy định đến từng lô đất dự án.

c) Định hướng tổ chức không gian:

- Bố trí phần lớn các khu nhà ở cao tầng, khu thương mại - dịch vụ (có khả năng tập trung đông người) hướng ra đường cao tốc và nút giao thông, một cụm nhỏ nhà ở cao tầng hướng ra sông Giồng Ông Tố. Trường trung học phổ thông công lập bố trí tại vị trí góc giao đường gom (của đường cao tốc) với đường giao thông phân ranh 02 dự án.

- Bố trí các khu nhà ở thấp tầng, mật độ thấp, ven sông Giồng Ông Tố.

- Bố trí khu công viên cây xanh tập trung, hồ nước ở giữa khu đất quy hoạch.

- Tổ chức không gian mở, thóang với tầng cao tăng dần từ phía bờ sông vào sâu bên trong về phía đường cao tốc và chú trọng khai thác điểm mạnh về cảnh quan tự nhiên của khu đất (như: sông nước, gió, cây xanh, không gian mở…) để kết hợp hài hòa với hình thức kiến trúc công trình.

7.2. Về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại cho khu 30,1ha, đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống chung của khu vực đô thị xung quanh và tận dụng triệt để các điểm lợi thế về điều kiện hiện trạng tự nhiên của khu vực lập quy hoạch.

a) Quy hoạch giao thông: yêu cầu thiết kế đồng bộ hệ thống đường giao thông của khu 30,1ha đảm bảo kết nối với khu 60,21ha (do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc và Ủy ban nhân dân quận 2 làm chủ đầu tư) và đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, đường Đỗ Xuân Hợp. Dự kiến xây dựng khung đường giao thông gồm:

- Đường phân ranh giữa khu 60,21ha và 30,1ha có lộ giới 20m, nối đường gom của đường cao tốc với đường ven sông Giồng Ông Tố. Theo đó, phân ranh nửa mặt

cắt đường (10m) thuộc dự án 60,21ha (Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc và Ủy ban nhân dân quận 2) và nửa mặt cắt đường còn lại (10m) thuộc dự án 30,1ha (Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21).

- Đường trục ngang (lộ giới 25÷30m) kéo dài từ khu 60,21ha sang khu 30,1ha.

- Đường trục dọc (lộ giới 20÷25m) kết nối đường trục ngang với đường gom của đường cao tốc.

- Đường nối với cầu Bình Trưng Đông (lộ giới 20m) nối vào đường trục ngang.

- Đường ven sông Giồng Ông Tố (lộ giới 15m).

- Đường phân khu vực (lộ giới 13÷20m); đường nội bộ nhóm nhà ở, đường vào nhà riêng lẻ (lộ giới 7÷15m).

- Nghiên cứu kết nối giao thông với đường cao tốc, với nút giao Đỗ Xuân Hợp.

- Số làn xe trên các tuyến đường được tính toán căn cứ lưu lượng giao thông theo quy hoạch.

b) Quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa: cao độ nền san lấp tại các khu vực xây dựng công trình tối thiểu 2,5m (theo VN2000) và phải đảm bảo tiêu thoát nước mặt cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch.

c) Quy hoạch cấp nước, thoát nước bẩn, cấp điện, thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp dự kiến từ các tuyến cấp chính của thành phố bố trí dọc theo đường cao tốc và đường Đỗ Xuân Hợp, đảm bảo chỉ tiêu theo quy định.

- Xây dựng tách riêng hệ thống cống thoát nước bẩn và nước mưa. Hệ thống cống thoát nước bẩn dẫn về khu xử lý nước thải riêng của dự án.

d) Vệ sinh môi trường: chất thải rắn được tập kết tại các điểm tập trung rác của khu vực, sau đó được chuyển đến khu xử lý rác chung của thành phố.

7.3. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và tiện ích công cộng:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1.500 ÷ 2.000 KWh/người.năm.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 200 ÷ 250 lít/người/ngày đêm.

- Chỉ tiêu thoát nước bẩn : 200 ÷ 250 lít/người/ngày đêm.

- Chỉ tiêu điện thoại : 10 máy/100 người.

- Chỉ tiêu rác thải : 1 ÷ 1,5 kg/người/ngày.

- Đối với khu nhà ở thấp tầng, áp dụng quy định của Luật Nhà ở, TCXDVN

353:2005 "Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế", Quy chuẩn QHXD năm 2008, 2009 và các quy định khác liên quan hiện hành.

- Đối với khu dân cư cao tầng, áp dụng TCXDVN 323:2004 "Nhà ở cao tầng - Tiêu chuẩn thiết kế", Quy chuẩn QHXD năm 2008, 2009, Thông tư số 14/2008/BXD ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng và các quy định khác liên quan hiện hành. Trong đó, lưu ý đảm bảo các chỉ tiêu tiện ích công cộng sau:

+ Bố trí 1,5 chỗ đỗ ô tô cho 1 căn hộ cao cấp; 1 chỗ đỗ ô tô cho 100m^2 sàn sử dụng chức năng văn phòng, chức năng thương mại hoặc cho 4 phòng khách sạn từ 3 sao trở lên. Đối với các công trình khác (căn hộ dạng trung bình, khách sạn dưới 3 sao, trụ sở cơ quan, công trình dịch vụ…), số chỗ đỗ xe phải ≥ 50% theo quy định trên.

+ Bố trí trạm y tế và phòng khám bệnh (1 trạm/1.000 dân).

+ Các khu ở cần bố trí chợ/siêu thị; khu sinh hoạt cộng đồng; sân chơi công cộng; công viên cây xanh - thể dục thể thao; khu quản lý; công trình văn hóa…

+ Bố trí trường học: trong khu 30,1ha bố trí 01 trường trung học phổ thông công lập (khoảng 02ha) cấp quận; đồng thời phải quy hoạch bố trí đất giáo dục đảm bảo phục vụ dân cư dự án. Tính trên 1.000 dân thì số lượng học sinh mẫu giáo: 50 chỗ, tiểu học: 65 chỗ, trung học cơ sở: 55 chỗ, trung học phổ thông: 40 chỗ. Theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố, chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục tại khu vực quận 2 là 8 - 10m^2/chỗ học.

8. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

8.1. Cơ cấu sử dụng đất: theo Bảng cân bằng đất đai như sau:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Theo Nhiệm vụ QHCTXDĐT tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21/02/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố (dân số 11.000 người)			Thống nhất điều chỉnh cục bộ Nhiệm vụ QH TL:1/2000 (theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 2 và Sở Quy hoạch - Kiến trúc) (dân số 11.000 người)		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2/ng)
A	**Đất nhóm nhà ở**	7,0	23,3	6,4	**11,0**	**36,5**	**10,0**
	- Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại - dịch vụ	7,0	23,3	6,4	5,3	17,6	4,8

	- Nhà ở thấp tầng	-	-	-	5,7	18,9	81,5
B	**Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở**	5,6	18,6	5,1	**5,6**	**18,6**	**5,1**
	- Đất giáo dục (xã hội hóa)	1,9	6,3	1,7	1,9	6,3	1,7
	- Đất Thương mại-dịch vụ, văn hóa - vui chơi - giải trí, y tế…	3,7	12,3	3,4	3,7	12,3	3,4
C	**Đất công viên cây xanh - thể dục thể thao, mặt nước**	12,5	41,5	11,4	**6,5**	**21,6**	**5,9**
D	**Đất giao thông, sân bãi**	5,0	16,6	4,5	**5,0**	**16,6**	**4,5**
E	**Đất công trình công cộng cấp quận (Trường trung học phổ thông công lập)**	-	-	-	**2,0**	**6,7**	**-**
	Tổng cộng	30,1	100	27,4	**30,1**	**100**	**25,5**

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu nêu trên là số gần đúng. Chỉ tiêu chính xác sẽ được xác định theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

8.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc của dự án:

Số TT	Nội dung	Theo Nhiệm vụ QHCTXDĐT tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21/02/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố	Thống nhất điều chỉnh cục bộ Nhiệm vụ QH TL:1/2000 (theo đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc)
1	**Tổng số căn hộ và nền đất**	2.750	**2.750**
	- Tổng số căn hộ chung cư	2.750	**2.575**
	- Tổng số nền đất nhà thấp tầng	-	**175**

2	**Diện tích trung bình** (m^2)		
	- Diện tích căn hộ	120÷130m^2	**trung bình 130m^2**
	- Diện tích nền đất	-	**150 ÷ 550m^2**
3	**Dân số** (người)	11.000	**11.000**
4	**Hệ số sử dụng đất** (lần)		
	- Hệ số sử dụng đất toàn khu	2,00	**2,73**
	- Hệ số sử dụng đất nhóm nhà ở và công trình công cộng	4,53	**4,42**
5	**Mật độ xây dựng** (%)		
	- Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại - dịch vụ	bệ <70%, tháp 30-40%	**bệ <70%, tháp 30-40%**
	- Nhà ở thấp tầng	-	**Theo quy định của Luật Nhà ở; QCXDVN 01:2008/BXD**
	- Công trình công cộng	40%	**40%**
6	**Tầng cao** (tầng)		
	Nhà cao tầng (không kể tầng hầm, lửng, sân thượng)	25 - 30 tầng công trình điểm nhấn có thể cao hơn	**25 - 30 tầng công trình điểm nhấn có thể cao hơn**
	Nhà thấp tầng	-	**theo phương án quy hoạch 1/500 cụ thể**
7	**Tổng diện tích sàn xây dựng** (m^2)	**570.000**	**822.781**
	- Nhà ở (= cao tầng + thấp tầng)	430.000	**510.771 (=415.000+95.771)**
	- Thương mại - dịch vụ, công trình công cộng, các chức năng khác	140.000	**312.010 (trong đó trường công 32.010)**
8	**Khoảng lùi xây dựng công trình**	Theo QCXDVN 01:2008/BXD	

Ghi chú: Tùy phương án thiết kế cụ thể, số căn hộ và nền đất nêu trên có thể thay đổi (tính theo quy định của Luật Nhà ở; TCXDVN 323:2004; QCXDVN 01:2008/BXD) miễn đảm bảo quy mô dân số khoảng 11.000 người.

9. Hồ sơ sản phẩm đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:

STT	Tên hồ sơ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất thiết kế	1/2.000-1/5.000
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan	1/500
6	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	1/500
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: - Quy hoạch giao thông - Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt - Quy hoạch cấp nước - Quy hoạch cấp điện - Quy hoạch thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường - Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc	1/500
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500
10	Hồ sơ bản vẽ nghiên cứu thiết kế đô thị: - Mặt bằng, mặt đứng triển khai theo các tuyến phố chính, lô phố điển hình; phối cảnh minh họa các cụm công trình tiêu biểu; - Hướng dẫn thiết kế đô thị các công trình, cụm công trình kết hợp sử dụng không gian nổi và ngầm, các công trình góc phố...	
11	Lập mô hình ở tỷ lệ 1/500 hoặc tỷ lệ thích hợp	
12	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết	

13	Thuyết minh tổng hợp, các văn bản pháp lý liên quan, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết	

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 2, Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 và đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ trình duyệt nhiệm vụ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư và du lịch - văn hóa - giải trí (diện tích 30,1ha) thuộc khu dân cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 90,31ha), phường An Phú, quận 2 .

- Chủ đầu tư có trách nhiệm đề xuất phương án xử lý phù hợp (về vị trí, diện tích, phương thức…) và làm việc với các đơn vị liên quan đối với việc hoán đổi khu đất khoảng hơn 2ha của Công ty TNHH Kinh doanh nhà Lan Bình từ khu 30,2ha phường Bình Khánh chuyển vào khu 30,1ha Nam Rạch Chiếc phường An Phú, làm cơ sở để hoàn chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu 30,1ha Nam Rạch Chiếc (theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 418/TB-VP ngày 29 tháng 6 năm 2011 và Công văn số 3339/UBND-ĐTMT ngày 08 tháng 7 năm 2011).

- Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và trình cơ quan thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công viên cây xanh để triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ cho toàn khu 30,1ha, sau đó bàn giao cho nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng. Trong đó đặc biệt lưu ý đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề hạ tầng kỹ thuật như: chống ồn và bụi cho khu dân cư dọc đường cao tốc, đấu nối giao thông, san nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn và xử lý nước thải…

- Chủ đầu tư có trách nhiệm làm việc với Cục Tác chiến - Bộ Quốc phòng để được xem xét, chấp thuận độ cao an toàn tĩnh không theo quy định tại Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

- Việc tổ chức lập và trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phải lưu ý đảm bảo khoảng cách ly an toàn của hành lang bờ sông, kênh, rạch theo Quyết định số 150/2004/QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Trước khi trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, Chủ đầu tư có trách nhiệm làm việc với Sở Giao thông vận tải để được thỏa thuận việc san lấp rạch, xác định mép bờ cao quy hoạch và có ý kiến thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở hệ thống tiêu thoát nước khu vực dự án; đồng thời hoàn tất các điểm lưu ý khác đã nêu tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố, tại các Công văn số 2312/SQHKT-QHKTT ngày 24 tháng 8 năm 2009 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Công văn số 553/SGTVT-CTN ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Sở Giao thông vận tải và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 lập và trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố và thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng dự án nhà ở theo quy định tại Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ; đồng thời làm việc với Sở Tài chính về thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 2 hướng dẫn Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định.

- Giao Sở Tài chính tính toán nghĩa vụ tài chính mà Chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng quy định.

- Giao Sở Giao thông vận tải có ý kiến thỏa thuận việc san lấp rạch, xác định mép bờ cao quy hoạch và có ý kiến thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật (trong đó có hệ thống tiêu thoát nước) và công viên cây xanh toàn khu 30,1ha.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các Chủ đầu tư lập thủ tục giao đất các dự án thành phần và thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại mục 3 Công văn số 3339/UBND-ĐTMT ngày 08 tháng 7 năm 2011 về điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc tại khu đất 12,5ha phường Bình Trưng Tây và khu 30ha Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân quận 2, Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc, Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Phú và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng
Giá: 14.000 đồng